

Số: /KH-UBND

An Phú, ngày 03 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã An Phú

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 06/3/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội đại biểu thành phố lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030;

Thực hiện Kế hoạch số 328/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, UBND xã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai tổ chức thực hiện Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã.

- Tổ chức rà soát, xác định, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn xã năm 2026 theo quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 để làm căn cứ thực hiện chính sách trong năm 2026 và quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 để làm căn cứ thực hiện chính sách từ ngày 01/01/2027 và những năm tiếp theo.

- Thiết lập, cập nhật và quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với cơ sở dữ liệu quốc gia (<https://csdlhn.mae.gov.vn>) và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đánh giá thực chất tình trạng nghèo đa chiều trên địa bàn xã, xác định nguyên nhân nghèo, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, làm cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo phù hợp.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ

thoát nghèo và thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và thực hiện các chính sách hỗ trợ phải bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, đúng đối tượng, đúng điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục theo quy định; bảo đảm bình đẳng giới, công bằng xã hội và nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Việc lựa chọn giải pháp giảm nghèo phải phù hợp với đặc điểm từng nhóm đối tượng; bảo đảm kết hợp giữa hỗ trợ cải thiện thu nhập với hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, thôn; xác định cụ thể nhiệm vụ, tiến độ và kết quả thực hiện, bảo đảm phối hợp chặt chẽ, không trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, thực chất và bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo cải thiện thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; gắn công tác giảm nghèo với đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tín dụng chính sách, xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi số, đô thị thông minh, thu hẹp chênh lệch về mức sống giữa các khu vực, địa bàn và nhóm dân cư; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu năm 2026, không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025; năm 2028 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030; năm 2030, tỷ lệ nghèo đa chiều $\leq 0,5\%$.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách kịp thời.

- Hằng năm, 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được rà soát, phân loại nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và nhu cầu hỗ trợ; thành viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo có khả năng lao động có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ tiếp cận về sinh kế, đào tạo nghề, việc làm, tín dụng hoặc phát triển sản xuất, dịch vụ phù hợp vươn lên thoát nghèo.

- Bảo đảm các chính sách về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin, trợ giúp xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản khác được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng theo quy định, cụ thể:

+ Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động trong độ tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có nhu cầu được tư vấn định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ kết nối việc làm.

+ Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

+ Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt 55%.

+ Chiều thiếu hụt về nhà ở: Hỗ trợ sửa chữa, xây mới đối với hộ nghèo có nhà ở tạm, dột nát; đảm bảo an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

+ Chiều thiếu hụt về thông tin: Đảm bảo 100% các hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet và các dịch vụ số cơ bản.

+ Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh và môi trường: Phấn đấu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh và xử lý rác thải bảo đảm vệ sinh môi trường

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Chuẩn nghèo, rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

1.1. Năm 2026

- Chuẩn nghèo: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP:

+ Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

+ Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026”.

- Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo: Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung

bình giai đoạn 2022-2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo trong năm 2026.

1.2. Giai đoạn 2027-2030

- Chuẩn nghèo: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP:

+ Tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030:

a) Tiêu chí thu nhập:

Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng.

b) Chiều, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản:

Chiều thiếu hụt việc làm gồm: chỉ số việc làm, chỉ số người phụ thuộc trong hộ gia đình.

Chiều thiếu hụt y tế gồm: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng. Chiều thiếu hụt giáo dục gồm: chỉ số trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số tình trạng đi học của trẻ em.

Chiều thiếu hụt nhà ở gồm: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở.

Chiều thiếu hụt thông tin gồm: chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản.

Chiều thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: chỉ số nguồn nước sinh hoạt, chỉ số nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh, chỉ số xử lý rác thải.

c) Quy định đo lường các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo:

a) Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo: Thực hiện theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027- 2030 làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo từ ngày 01/01/2027.

2. Phân loại, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, đẩy mạnh chuyển đổi số

2.1. Trên cơ sở kết quả rà soát được cấp có thẩm quyền công nhận, Ủy ban nhân dân xã tổ chức phân loại hộ theo nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, nhu cầu và khả năng thoát nghèo để xây dựng các giải pháp hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm đối tượng, nhất là trong việc thực hiện các chính sách, cụ thể:

- Ưu tiên giải pháp đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giới thiệu việc làm, tạo việc làm bền vững; hỗ trợ tiếp cận nhà ở, y tế, giáo dục, thông tin và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ sinh kế phi nông nghiệp, kinh doanh nhỏ, dịch vụ, thương mại và chuyển đổi số; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở ngoài địa phương, ở nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường phòng ngừa tái nghèo đối với lao động không ổn định, hộ có người già, người khuyết tật, người bệnh dài ngày.

- Ngoài các chính sách nêu trên, ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, kinh tế hộ, hợp tác xã và liên kết chuỗi giá trị. Tăng cường chính sách tín dụng ưu đãi, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng và cải thiện điều kiện sống.

- Đối với thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo không có khả năng lao động thực hiện chính sách hỗ trợ thu nhập, bảo trợ xã hội theo quy định.

2.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo dùng chung; cập nhật thường xuyên biến động về nhân khẩu, việc làm, thu nhập, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (bảo hiểm xã hội, việc làm, giáo dục, y tế...) để hạn chế trùng lặp, nâng cao độ chính xác trong thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Tích hợp dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, nhà ở và các nguồn lực hỗ trợ nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát, điều hành.

Việc thu thập, lưu trữ, chia sẻ, công khai và sử dụng dữ liệu phải tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và các quy định liên quan.

3. Triển khai cơ chế, chính sách giảm nghèo của thành phố

- Hỗ trợ phát triển sản xuất tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

- Triển khai hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, người cận nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có sức lao động, có nhu cầu được tiếp cận kịp thời các nguồn vốn tín dụng ưu đãi,

vay vốn mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh tự tạo việc làm, tăng thu nhập hoặc để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch và học tập. Phát huy hiệu quả công tác tín dụng chính sách đối với các tổ chức đoàn thể nhận ủy thác, các tổ tiết kiệm và vay vốn, thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định của Nhà nước.

- Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều: Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách về: Bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, nhà dột nát; nước sạch, vệ sinh và môi trường; tiếp cận thông tin, viễn thông và chuyển đổi số; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ tiền điện; trợ giúp xã hội, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và đối tượng yếu thế; các chính sách an sinh xã hội khác theo quy định.

4. Tăng cường quản lý nhà nước về giảm nghèo

Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố về giảm nghèo bền vững.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nguồn lực và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo, tiến độ giải ngân vốn, tổ chức thực hiện chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế thuộc phạm vi quản lý.

- Tăng cường phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và người dân trong triển khai công tác giảm nghèo.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và phát huy ý chí tự lực, tự cường

- Tuyên truyền, phổ biến đầy đủ về chuẩn nghèo đa chiều, quy trình rà soát; đối tượng, các chính sách hỗ trợ; điều kiện thụ hưởng chính sách giảm nghèo; về các phong trào, cuộc vận động chung tay vì người nghèo để “Không để ai bị bỏ lại phía sau” bằng hình thức phù hợp với từng địa bàn, nhóm dân cư.

- Chú trọng đối thoại trực tiếp, tư vấn, hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo lựa chọn phương án phát triển sinh kế, học nghề, tìm kiếm việc làm, vay vốn và cải thiện các chỉ số thiếu hụt.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tư vấn và hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo có khả năng lao động nâng cao ý thức tự lực, tự cường, chủ động tham gia học nghề,

tạo việc làm và phát triển sản xuất, kinh doanh vươn lên thoát nghèo bền vững; hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo không có khả năng lao động cải thiện đời sống, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đảm bảo an sinh xã hội.

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả, hộ vươn lên thoát nghèo bền vững và các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp tích cực cho công tác giảm nghèo.

6. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

- Ngân sách địa phương giữ vai trò chủ yếu, bố trí ưu tiên nguồn lực thực hiện Kế hoạch, các chính sách đối với người nghèo, hộ nghèo; thúc đẩy việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho công tác giảm nghèo bền vững thông qua các chương trình, phong trào, chính sách của Trung ương và của thành phố; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện chính sách giảm nghèo, nguồn lực huy động từ cộng đồng, doanh nghiệp và người dân.

- Triển khai các phong trào, cuộc vận động, khuyến khích các doanh nghiệp giúp đỡ các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, tạo việc làm cho lao động nghèo; vận động các tổ chức, cá nhân và hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa chỉ.

- Thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo, hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng, hộ nghèo dân tộc thiểu số; khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, dân tộc, miền núi.

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội kết nối vùng, tăng cường kết nối vùng đã phát triển với vùng khó khăn; chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn khó khăn; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo gắn với quốc phòng.

7. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo; kiểm tra, giám sát và đánh giá chương trình

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo và cộng tác viên tại thôn; tăng cường hướng dẫn trực tiếp, cầm tay chỉ việc và chuyển giao mô hình phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm; tập trung vào công tác rà soát hộ nghèo, thực hiện chính sách, quản lý kinh phí và kết quả hỗ trợ.

- Thường xuyên theo dõi tình hình đời sống, thu nhập, việc làm, mức độ thiếu hụt và nguy cơ tái nghèo của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi lợi dụng chính sách, xác định sai đối tượng, sử dụng kinh phí sai mục đích, thiếu công khai, minh bạch.

- Tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ; đánh giá kết quả theo chỉ tiêu, mức độ cải thiện thu nhập, khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và tính bền vững sau thoát nghèo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước (ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã theo phân cấp), bao gồm nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn vốn sự nghiệp được bố trí hằng năm.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn (đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp đối tượng và nội dung hỗ trợ).

- Nguồn vốn huy động hợp pháp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, Quỹ “Vì người nghèo” và đóng góp của cộng đồng.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã xây dựng toán kinh phí thực hiện hằng năm gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan thường trực Chương trình).

3. Việc bố trí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, tín dụng chính sách, các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, thoát nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công bố chính thức kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định.

- Hướng dẫn các thôn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế (nếu có) thuộc lĩnh vực ngành quản lý theo đúng quy định; theo dõi, hướng dẫn, đánh giá đa chiều, chỉ số thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường.

- Chủ trì, hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, đánh giá việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn; thu thập thông tin, quản lý Cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Theo dõi, đánh giá chỉ số thiếu hụt về nhà ở (diện tích nhà ở bình quân đầu người; chất lượng nhà ở) theo chuẩn nghèo đa chiều; đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thực hiện các chương trình hỗ trợ nhà ở theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố theo quy định; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10 tháng 6, báo cáo năm gửi trước ngày 10 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Tham mưu cho UBND xã cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách xã để thực hiện Kế hoạch hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030 theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành.

- Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các chính sách tạo việc làm; ưu tiên tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có khả năng lao động, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, giảm nghèo bền vững.

- Theo dõi, đánh giá chỉ số thiếu hụt về việc làm theo chuẩn nghèo đa chiều; đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm.

- Phối hợp theo dõi, đánh giá chi tiêu, chỉ số thiếu hụt về y tế (bảo hiểm y tế; dinh dưỡng). Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách về bảo trợ xã

hội, trợ cấp hưu trí xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, trẻ em trên địa bàn thành phố (trong đó có nhóm đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo).

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã triển khai khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe đối với người dân trong đó ưu tiên người nghèo, người cận nghèo, thoát nghèo và đối tượng chính sách khác.

Chủ trì, tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về giáo dục và đào tạo đối với trẻ em, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định của pháp luật; tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo nghề, trong đó ưu tiên đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có khả năng lao động, có nhu cầu học nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Theo dõi, đánh giá chỉ số thiếu hụt về giáo dục (trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em) theo chuẩn nghèo đa chiều; đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục.

- Chủ trì, hướng dẫn ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

- Theo dõi, đánh giá chỉ số thiếu hụt về thông tin (sử dụng dịch vụ viễn thông và dịch vụ số cơ bản) đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định; nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ pháp lý miễn phí, góp phần tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, phục vụ mục tiêu giảm nghèo bền vững.

4. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo; quy định chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; tư vấn, hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng và thực hiện phương án thoát nghèo; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động vươn lên trong lao động, sản xuất và phát triển kinh tế hộ gia đình.

Kịp thời đưa tin tuyên dương các mô hình giảm nghèo hiệu quả, hộ vươn lên thoát nghèo bền vững và các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp tích cực cho công tác giảm nghèo.

5. Đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH Nam Sách

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan của xã triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay.

6. Đề nghị Bảo hiểm xã hội cơ sở Hải Dương

Chủ trì, phối hợp với các phòng, cơ quan đơn vị và các tổ chức có liên quan của xã triển khai thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

7. Trưởng các thôn

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn thôn theo đúng chuẩn nghèo đa chiều, quy trình, phương pháp và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, dân chủ, minh bạch, khách quan và chính xác.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến Nhân dân về chuẩn nghèo đa chiều, quy trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và quyền, nghĩa vụ của đối tượng thụ hưởng.

- Phối hợp xác định nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, nhu cầu hỗ trợ và khả năng thoát nghèo của từng hộ; làm cơ sở để UBND xã phân loại và xây dựng giải pháp hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm đối tượng.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tiếp cận các chính sách hỗ trợ về sinh kế, đào tạo nghề, việc làm, tín dụng chính sách, bảo hiểm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin và các dịch vụ xã hội cơ bản khác theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi tình hình đời sống, việc làm, thu nhập, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và nguy cơ tái nghèo của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; kịp thời báo cáo UBND xã những trường hợp phát sinh hoặc có nguy cơ tái nghèo để xem xét, hỗ trợ theo quy định.

- Chủ động phát hiện, phản ánh các trường hợp có dấu hiệu kê khai không trung thực, xác định sai đối tượng, lợi dụng chính sách hoặc thực hiện rà soát

không bảo đảm công khai, minh bạch; phối hợp với cơ quan chuyên môn kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định.

- Trưởng các thôn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về tính đầy đủ, chính xác của danh sách, thông tin, số liệu và kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thôn được phân công phụ trách; chịu trách nhiệm kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Kinh tế) những trường hợp phát sinh, sai lệch hoặc có dấu hiệu xác định không đúng đối tượng.

8. Các cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch này; tích cực hưởng ứng phong trào, cuộc vận động vì người nghèo “Không để ai bị bỏ lại phía sau”, nhất là ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”; phối hợp cung cấp thông tin, số liệu, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia công tác giảm nghèo.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong vận động Quỹ “Vì người nghèo”, Quỹ cứu trợ; giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo, tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh kế, xây dựng nhà Đại đoàn kết và huy động nguồn lực xã hội chăm lo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững;

- Tổ chức giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chính sách giảm nghèo trên địa bàn xã, đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư. Chỉ đạo Hội Nông dân xã triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã triển khai hiệu quả phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn xã; yêu cầu các phòng, cơ quan, đơn vị, các thôn và các tổ chức có liên quan căn cứ triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã (qua

phòng Kinh tế) tổng hợp, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành xã chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy xã, TT. HĐND xã (*để báo cáo*);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Phòng GD NHCSXH Nam Sách;
- Bảo hiểm xã hội cơ sở Hải Dương;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đức Khanh